TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ-TP ĐÀ NẴNG** Số: **123**/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Sơn Trà, ngày 20 tháng 06 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Trần Văn C; sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Nh; sinh năm: 1988; Cùng trú tại: 1068/2 NQ, phường AHT, quận S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh kết hôn vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân UBND xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Mâu thuẩn của vợ chồng đã thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không hòa hợp, hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh đã thật tự nguyện ly hôn, mâu thuẩn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh khai nhận có 02 con chung là Trần Mạnh G, sinh ngày 03.06.2013 và Trần Bích Th, sinh ngày 06.08.2014. Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Ông Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Mạnh G; sinh ngày 03.06.2013 và Trần Bích Th; sinh ngày 06.08.2014 đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Nh không trợ cấp tiền nuôi con.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung:* Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu.

[3] *Về nợ chung:* Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh khai nhận không có.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, (ngày 12.6.2023) không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33 của UBND xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 13.02.2009 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Trần Văn C và Bà Nguyễn Thị Nh khai nhận có 02 con chung là Trần Mạnh G, sinh ngày 03.06.2013 và Trần Bích Th, sinh ngày 06.08.2014. Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Ông Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Trần Mạnh G; sinh ngày 03.06.2013 và Trần Bích Th; sinh ngày 06.08.2014 đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Nh không trợ cấp tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu

1.4.Về nợ chung: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: : Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng y) Ông Trần Văn C và Bà Nguyễn Thị Nh phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003799 ngày 02.6.2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Nh đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND x Hành Đức, h Nghĩa Hành, Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thanh Thủy